

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST.
Ngày: 01-02-2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng.
2. Bà Huỳnh Thị Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

Trụ sở: Số 266-268 đường NKKN, Phường T, Quận B, Thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hồng S; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh VL (Giấy ủy quyền số 3978/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019)

Ủy quyền lại: Chị Đặng Huỳnh N; chức vụ: Phó phòng cá nhân Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh VL. (Giấy ủy quyền số 135/2020/UQ-CNVL ngày 19/8/2020) (vắng mặt).

Địa chỉ làm việc: Số 35B, đường BTH, Phường M, thành phố VL, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M; địa chỉ: Số 299, khóm TQH, phường TA, thành phố VL, tỉnh VL (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án chỉ Đặng Huỳnh Như là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT (gọi tắt là Ngân hàng SCB) trình bày như sau:

Ngày 27/4/2016 Ngân hàng SCB có ký với anh Nguyễn Văn M hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng) với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng; lãi suất vay trong hạn là 2,5%/tháng nhưng ngân hàng có quyền thay đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của ngân hàng mà không cần thông báo trước cho anh M; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được công bố ở thời điểm hiện tại trên toàn bộ dư nợ còn lại; hình thức vay tín chấp; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; phương thức thanh toán vào ngày 31 hàng tháng anh M phải trả cho ngân hàng tối thiểu 5% trên dư nợ cuối cùng (gốc+ lãi+ tất cả các khoản phí). Trong quá trình vay anh M có trả cho Ngân hàng SCB tính đến ngày 31/9/2019 được tổng số tiền 18.680.000 đồng nhưng từ đó cho đến nay anh M không trả nữa. Ngân hàng SCB đã nhiều lần yêu cầu anh M trả nợ nhưng anh M không thực hiện.

Tính đến ngày 28/8/2020 anh M còn nợ Ngân hàng SCB số tiền tổng cộng là 25.147.386 đồng. Trong đó: Nợ gốc 17.549.991 đồng và lãi quá hạn 7.597.395 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SCB.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt có thay đổi về yêu cầu khởi kiện vì ngày 30/10/2020 anh M có trả cho Ngân hàng SCB 1.000.000 đồng tiền gốc nên ngân hàng SCB chỉ yêu cầu số nợ gốc là 16.549.991 đồng và nợ lãi là 11.179.350 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vào ngày 29/01/2021 nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngân hàng SCB khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn M trả nợ gốc lãi theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về “Hợp đồng tín

dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Vĩnh Long vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng SCB yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tổng cộng là 27.729.341 đồng tính đến ngày 01/02/2021 (trong đó gốc: 16.549.991 đồng, lãi quá hạn 11.179.350 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 27/4/2016 anh Nguyễn Văn Minh có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (áp dụng cho khách hàng cá nhân) với Ngân hàng SCB, thỏa thuận hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng SCB trên số tiền gốc là 16.549.991 đồng là đã vi phạm các Điều 2, 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng SCB. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng SCB theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi quá hạn: Đến ngày 01/02/2021 thì Ngân hàng SCB xác định bị đơn còn nợ lãi quá hạn là 11.179.350 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận lãi suất quá hạn là 150% lãi suất được công bố ở thời điểm hiện tại trên toàn bộ dư nợ còn lại và việc Ngân hàng SCB yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi bị đơn trả hết nợ là có căn cứ đúng pháp luật phù hợp với quy định Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn M phải chịu 1.386.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT.

Buộc anh Nguyễn Văn M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền vốn, lãi là 27.729.341 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn ba trăm bốn mươi một đồng). Trong đó: Nợ gốc là 16.549.991 đồng (Mười sáu triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm chín mươi một đồng) và lãi suất quá hạn là 11.179.350 đồng (Mười một triệu một trăm bảy mươi chín ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn M phải chịu 1.386.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 628.000 đồng (Sáu trăm hai mươi tám ngàn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT theo biên lai thu số N₀ 0005761 nộp ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Diễm

